

ĐẢM BẢO AN NINH MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM: VẤN ĐỀ CẤP THIẾT CẦN PHẢI GIẢI QUYẾT

Tạ Đình Thi, Phan Thị Kim Oanh, Tạ Văn Trung, Bùi Đức Hiếu
Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ngày nhận bài 18/5/2017; ngày chuyển phản biện 20/5/2017; ngày chấp nhận đăng 16/6/2017

Tóm tắt: Hiện nay, không chỉ ở Việt Nam mà ngay cả trên thế giới, vấn đề đảm bảo an ninh môi trường đã trở thành vấn đề toàn cầu, cần có sự hợp tác, chia sẻ giữa các quốc gia. Các thách thức an ninh môi trường không chỉ đe dọa an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh lương thực,... mà còn là một trong những nguy cơ lớn đe dọa an ninh quốc gia và sự tồn vong của nhân loại. Có thể thấy, chưa bao giờ vấn đề môi trường lại được đặt ra cấp bách đối với Việt Nam như hiện nay. Sự khan hiếm tài nguyên, ô nhiễm, suy thoái môi trường ngày càng gia tăng có thể gây suy yếu nền kinh tế, làm trầm trọng thêm vấn đề đói nghèo, làm bất ổn chính trị, thậm chí trở thành ngòi nổ cho các cuộc xung đột. Nhiều học giả trong nước và trên thế giới đều thống nhất quan điểm về mối quan hệ giữa an ninh quốc gia và an ninh môi trường có tính hữu cơ, chặt chẽ, bởi vì về thực chất, an ninh môi trường là một thành tố thuộc an ninh phi truyền thống, một bộ phận cấu thành an ninh quốc gia. Vì vậy, đảm bảo an ninh môi trường chính là một phần quan trọng nhằm đảm bảo an ninh quốc gia trong thời đại mới.

Từ khóa: An ninh môi trường, an ninh quốc gia, biến đổi khí hậu, bảo vệ nguồn nước, ô nhiễm môi trường, đa dạng sinh học.

1. An ninh môi trường nhìn từ góc độ an ninh quốc gia

An ninh quốc gia (ANQG) là khái niệm mang tính chính trị - pháp lý, thể hiện bản chất chế độ xã hội của một quốc gia. Ở Việt Nam, Luật ANQG năm 2004 [12] đã xác định “ANQG là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ Xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”. Nội dung cơ bản của ANQG là bảo vệ lợi ích quốc gia và loại bỏ các mối đe dọa tới lợi ích đó. ANQG bao hàm an ninh truyền thống (ANTT) và an ninh phi truyền thống (ANPTT). Tùy thuộc vào bối cảnh, thời điểm khác nhau mà những thách thức ANTT hoặc ANPTT nổi lên đe dọa tới ANQG. Trong bối cảnh hiện nay, do mặt trái của sự phát triển cùng với xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, vấn đề ANQG không chỉ giới hạn trong việc ngăn chặn, ứng phó với các nguy cơ chiến tranh mà còn bao hàm nhiều vấn đề ANPTT như biến đổi khí hậu (BĐKH), ô nhiễm, suy thoái môi trường, cạn kiệt nguồn

nước, khủng bố, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao,... Các thách thức ANPTT vẫn có thể khiến một quốc gia, thể chế xã hội sụp đổ mà không cần bất kỳ một hoạt động quân sự nào.

Một trong những vấn đề ANPTT nổi cộm hiện nay và được nhiều học giả trên thế giới quan tâm nghiên cứu là vấn đề an ninh môi trường (ANMT). Năm 1972, vấn đề ANMT lần đầu tiên được đưa vào chương trình nghị sự quốc tế tại Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Môi trường và Con người ở Stockholm (Thụy Điển). Vào năm 1977, Cục Tình báo Liên bang Mỹ (CIA) đã thiết lập một Trung tâm Môi trường đầu tiên trên thế giới để đánh giá mối liên hệ giữa môi trường và an ninh. Ủy ban Quốc tế về Môi trường và Phát triển đã kêu gọi mọi người cần hiểu an ninh một phần cũng là chức năng của phát triển bền vững. Đến đầu thập niên 1980, các học giả phương Tây lần đầu tiên đưa ra khái niệm ANMT và đặc biệt coi trọng vấn đề ANMT trong chiến lược ANQG. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lần đầu tiên đã đề cập tới khái niệm ANMT vào năm 1987 trong một văn bản chính thức, theo đó “Sự biến đổi tiêu

cực của môi trường đang tạo thành các uy hiếp đối với sự phát triển,... trở thành căn nguyên của các căng thẳng và tiêu cực xã hội ảnh hưởng đến cả nhân loại như đói nghèo, mù chữ, dịch bệnh,...” [8].

Khái niệm về ANMT được Chính phủ Mỹ và một số quốc gia phương Tây chính thức công nhận vào gần giữa thập niên 1990. Vấn đề ANMT có thể gây ảnh hưởng lâu dài tới lợi ích quốc gia, đe dọa trực tiếp sức khỏe, sự thịnh vượng, việc làm, sự ổn định chính trị, kinh tế và mục tiêu chiến lược của Mỹ được đề cập trong Chiến lược ANQG năm 1994 [17]. Năm 1996, các nước châu Âu cũng chính thức đặt vấn đề môi trường trở thành một lĩnh vực thuộc phạm vi ANQG. Đến nay, các nước Mỹ, Nga, Nhật Bản, Anh, Canada, EU và nhiều nước khác đã ban hành Chiến lược ANMT. Theo Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (năm 1992), ANMT là “*Sự khan hiếm các tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường và những hiểm họa có thể gây suy yếu nền kinh tế, gia tăng đói nghèo, gia tăng bất ổn chính trị, thậm chí trở thành ngòi nổ cho các cuộc xung đột và chiến tranh*”. Đây là một định nghĩa khá toàn diện, phản ánh được bản chất của vấn đề ANMT [9]. Mặc dù còn nhiều vấn đề phải tranh cãi, nhưng hiện nay các học giả đã thừa nhận các yếu tố môi trường đóng cả vai trò trực tiếp và gián tiếp trong tranh chấp chính trị và xung đột bạo lực.

Hiện nay, nhiều học giả trong nước và trên thế giới đều thống nhất quan điểm về quan hệ ANQG và ANMT có tính chất hữu cơ, chặt chẽ, bởi vì về thực chất, ANMT là một thành tố thuộc ANPTT, một bộ phận cấu thành ANQG, bên cạnh an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa,... Tùy bối cảnh của từng nước và tùy từng giai đoạn phát triển của lịch sử, vị trí và vai trò của ANMT trong ANQG có thay đổi. Nhưng nhìn chung, trên thế giới và Việt Nam, vị trí và vai trò ANMT đang ngày càng đóng vai trò quan trọng. Các nghiên cứu đã khá thống nhất trong việc xác định các vấn đề ANMT chủ yếu mà thế giới đang phải đối mặt, bao gồm: Tác động của BĐKH toàn cầu, trong đó nhấn mạnh tới hiệu ứng nhà kính gây ấm lên toàn cầu; nguy cơ nguồn nước và sự hủy hoại các nguồn tài nguyên biển; sự phá hủy và tổn hại của tầng ô-zôn; hiện tượng sa

mạc hóa đất đai; hệ thực vật rừng bị phá hoại; đa dạng sinh học suy giảm và vấn đề mưa a-xít. Cùng xu thế đó, hiện nay, Việt Nam cũng đang đứng trước nhiều mối đe dọa về ANMT cấp bách cần phải giải quyết, như: BĐKH; an ninh nguồn nước, an ninh môi trường biển bị đe dọa; ô nhiễm tại các khu vực trọng điểm và ô nhiễm xuyên biên giới chưa thể kiểm soát; suy giảm tài nguyên rừng và đa dạng sinh học,... Có thể thấy, chưa bao giờ các vấn đề môi trường lại được đặt ra cấp bách đối với toàn nhân loại như hiện nay.

Trước thực trạng trên, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định: “*Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta*” [6]. Vấn đề bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH là một nội dung quan trọng được đưa vào Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, trong đó nhấn mạnh: “*Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững theo hướng bảo đảm tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn*” và yêu cầu phải “*sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống*” [7].

Thời gian vừa qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, biện pháp về tài nguyên và môi trường, cụ thể như Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Luật Bảo vệ môi trường 2014; Luật Tài nguyên nước 2012; Luật Phòng chống thiên tai 2013; Luật Đa dạng sinh học 2008,... Đến nay, Việt Nam đã ký kết tham gia 23 công ước quốc tế về môi trường. Việt Nam đã cùng 148 quốc gia khác trên thế giới phê chuẩn việc thực hiện Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu.

Việt Nam cũng đang tích cực hợp tác với các quốc gia, các tổ chức trên thế giới và xác định hợp tác quốc tế là cần thiết để đối phó với các thách thức ANPTT, đặc biệt là vấn đề biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và chia sẻ nguồn nước xuyên biên giới. Trong Sách trắng quốc phòng Việt Nam năm 2004 khẳng định suy thoái môi trường cũng là một trong các mối quan tâm hàng đầu về an ninh của Việt Nam. Việt Nam đã đưa khái niệm ANMT vào Luật Bảo vệ môi trường 2014, theo đó *“An ninh môi trường là việc bảo đảm không có tác động lớn của môi trường đến sự ổn định chính trị, xã hội và phát triển kinh tế của quốc gia”*.

Như vậy, có thể thấy vấn đề ANMT đã được thế giới cũng như Việt Nam hết sức quan tâm và đã thể chế bước đầu trong các chính sách, pháp luật.

2. Thực trạng an ninh môi trường hiện nay ở Việt Nam

2.1. Tác động của biến đổi khí hậu

BĐKH đã gây ra các biến động không có lợi về môi trường, gây khủng hoảng sinh thái, từ đó đe dọa tới ANQG. Có thể thấy, một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu của ANMT hiện nay là BĐKH. Theo đánh giá của các tổ chức thế giới, Việt Nam là một trong các quốc gia phải chịu nhiều ảnh hưởng của các kiểu thời tiết khắc nghiệt và thường xuyên phải chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới. BĐKH thực sự đã làm cho thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, hạn hán ngày càng khốc liệt. Theo tài liệu *“Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu 2016”* [16], Việt Nam là quốc gia xếp thứ bảy về rủi ro khí hậu dài hạn trên thế giới. Bình quân mỗi năm Việt Nam bị ảnh hưởng trực tiếp bởi 6-7 cơn bão. Trong giai đoạn 1990-2010, Việt Nam đã phải trải qua 74 trận lũ lụt. Giai đoạn 2011-2015, thiên tai đã làm cho 1.141 người chết và mất tích, gây thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 55.400 tỷ đồng.

Kịch bản BĐKH được cập nhật, xuất bản năm 2016 [3] cho thấy nhiệt độ trung bình năm trên phạm vi toàn quốc tăng khoảng 0,62°C trong thời kỳ 1958-2014 và tăng dần theo thời gian. Mức nước biển dâng trung bình cả nước giai đoạn 1993-2014 là 3,34 mm/năm, trong đó ở khu vực ven biển Nam Trung Bộ tăng mạnh nhất

với tốc độ tăng trên 5,6 mm/năm, khu vực ven biển vịnh Bắc Bộ có mức tăng thấp hơn, khoảng 2,5 mm/năm. Theo kịch bản trung bình cao, đến năm 2050, mực nước biển dâng là 25 cm; năm 2100 là 73 cm. Dự báo, nếu mực nước biển dâng 1 m và không có các giải pháp ứng phó, khoảng 16,8% diện tích đồng bằng sông Hồng, 1,5% diện tích các tỉnh ven biển miền Trung, 17,8% diện tích Thành phố Hồ Chí Minh, 38,9% diện tích đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có nguy cơ ngập chìm trong nước. Trong đó, các tỉnh ĐBSCL không chỉ là vựa lúa của Việt Nam mà của cả thế giới, nếu mực nước biển dâng cao ở bất cứ mức độ nào đều sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của hàng chục triệu người dân.

Nước biển dâng sẽ làm mất đất canh tác trong nông nghiệp, tác động trực tiếp tới an ninh lương thực, an ninh kinh tế, an ninh nguồn nước, gia tăng tình trạng đói nghèo, mất việc làm và di cư. BĐKH đã, đang và sẽ dẫn tới tình trạng mất chỗ ở và di cư ở một số khu vực bị ảnh hưởng nặng nề. Khi tài nguyên đất bị thu hẹp do nước biển dâng, các thảm họa tự nhiên như lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán tiếp tục diễn ra với cường độ cao, số lượng người mất chỗ ở tăng lên, các dạng sinh kế phụ thuộc vào hệ sinh thái mất đi,... sẽ dẫn tới tình trạng di cư vĩnh viễn hoặc tạm thời. Nguy cơ này đặc biệt nghiêm trọng đối với lĩnh vực nông nghiệp, tác động mạnh mẽ nhất tới các nhóm nghèo nhất, nhóm người yếu thế.

2.2. An ninh nguồn nước

An ninh nguồn nước (ANNN) gặp nhiều thách thức lớn và ngày càng trở nên cấp bách, gay gắt. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia [1], Việt Nam có hơn 2.360 con sông có chiều dài từ 10 km trở lên, trong đó có 109 sông chính. Tổng lượng nước mặt trên lãnh thổ Việt Nam khoảng 830-840 tỷ m³. Phần lớn nguồn nước phụ thuộc vào nước ngoài là thách thức lớn nhất đối với ANNN ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Theo thống kê, tổng diện tích các lưu vực sông trên cả nước lên đến trên 1.167.000 km², trong đó phần lưu vực nằm ngoài diện tích lãnh thổ chiếm đến 72%. Lượng nước mặt nội sinh chỉ có 310-315 tỷ m³ (chiếm 37%), còn 520-525 tỷ m³ (chiếm 63%) là từ các nước láng giềng chảy vào Việt Nam như Trung Quốc, Thái

Lan, Lào, Myanmar và Campuchia. Nguồn nước ngoại lai ở lưu vực sông Hồng chiếm 50%, còn ở lưu vực sông Mê Kông chiếm đến 90% tổng khối lượng nước bề mặt [1]. ANNN phụ thuộc rất lớn vào khai thác và sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội trên các con sông lớn của các quốc gia, nhất là trên các lưu vực. Mặc dù có khá nhiều các cơ chế hợp tác song phương, đa phương về phát triển bền vững nguồn nước nhưng thực tế vẫn đang đặt ra nhiều sức ép cho Việt Nam, một quốc gia ở hạ nguồn có ít lợi thế hơn trong các đàm phán về sử dụng nguồn nước quốc tế.

Ở lưu vực sông Mê Kông, các đập thủy điện đã và sẽ xây dựng ở Trung Quốc, Lào, Campuchia sẽ là mối đe dọa làm giảm sút nguồn nước, nguồn cá, phù sa, hệ sinh thái,... đối với Việt Nam. Đây là dấu hiệu đáng lo ngại đối với 20 triệu người dân ở ĐBSCL, không chỉ đất đai trũng trọt và rừng bị mất đi, người dân cũng có thể phải di cư. Mặt khác, mực nước sông Mê Kông ngày càng thấp, năm 2015 thấp mức kỷ lục trong vòng 90 năm qua, là một trong những nguyên nhân chính gây ra tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn đặc biệt nghiêm trọng ở ĐBSCL. Bên cạnh đó, nguồn nước sông Hồng từ biên giới phía Trung Quốc đổ về hạ lưu ngày càng bị ô nhiễm, nhưng các biện pháp xử lý môi trường xuyên biên giới vẫn còn nhiều hạn chế. Ở thượng lưu, Trung Quốc đã cho vận hành hàng chục nhà máy thủy điện, 1.870 đập dẫn và kênh dẫn nước, 9 hồ chứa có tổng dung tích 200 triệu m³,... nên đã làm thay đổi lớn đến lượng nước, chế độ dòng chảy, chất lượng nước, phù sa ở hạ lưu [20]. Đặc biệt, các tỉnh miền núi phía Bắc chịu nhiều tác động xấu do thủy điện xả lũ và các hoạt động gây ô nhiễm môi trường từ phía Trung Quốc.

Hiện tượng tranh chấp nguồn nước trong nội bộ quốc gia có xu hướng gia tăng. Do vị trí địa lý, đặc điểm điều kiện tự nhiên đặc thù nên khoảng 60% lượng nước của cả nước tập trung ở lưu vực sông Mê Kông, 16% tập trung ở lưu vực sông Hồng - Thái Bình, khoảng 4% ở lưu vực sông Đồng Nai, các lưu vực sông lớn khác tổng lượng nước chỉ chiếm phần nhỏ còn lại.

Trong khi đó, việc phát triển các công trình thủy điện trong thời gian qua đã cho thấy những hạn chế bất cập trong việc chia sẻ nguồn nước. Tài nguyên nước trên các dòng sông đã được

đưa vào gần hết sử dụng cho thủy điện, gây hệ lụy lớn cho các vùng ở hạ lưu. Thời gian qua có nhiều vụ tranh chấp nguồn nước giữa các địa phương, giữa các đơn vị trong cùng địa phương, giữa các địa phương và nhà máy thủy điện,... Điển hình như việc tranh chấp nguồn nước giữa Đà Nẵng và Quảng Nam, hay dự án lấp sông Đồng Nai để cải tạo cảnh quan và phát triển đô thị, việc xả lũ của nhà máy thủy điện Hồ Hô (Quảng Bình), thủy điện Bắc Hà (Lào Cai) và thủy điện Hương Điền (Thừa Thiên - Huế),... đều có tác động xấu đối với các địa phương ở hạ du và khu vực lân cận. Ngoài ra, hiện nay do tác động của BĐKH và nước biển dâng, ANNN ở Việt Nam đang bị đe dọa ngày càng lớn [4].

2.3. An ninh môi trường biển

Ô nhiễm đại dương và biển đang ngày càng trầm trọng, là vấn đề mà Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới đang phải đối mặt. Việt Nam có lợi thế bờ biển dài hơn 3.260 km, với tài nguyên biển phong phú. Tuy nhiên, do sự chia sẻ về tài nguyên biển với nhiều nước trong khu vực, Việt Nam cũng phải đối mặt với không chỉ các vấn đề về ANMT mà còn cả vấn đề về chủ quyền lãnh thổ. Hội thảo về An ninh môi trường trên Biển Đông diễn ra tại Mỹ vào tháng 6/2016 vừa qua cũng đề cập tới các giải pháp nhằm gìn giữ môi trường và nguồn tài nguyên tại khu vực quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Theo các tài liệu hội thảo, 80% các rạn san hô ở Biển Đông bị suy giảm, dẫn đến suy giảm nguồn cá, vì san hô chính là môi trường sinh thái để các loài cá biển phát triển. Thời gian gần đây, việc Trung Quốc tiến hành hàng loạt các hoạt động tôn tạo, xây dựng trái phép các bãi đá nhân tạo với quy mô lớn tại Biển Đông cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới những tác động tiêu cực về môi trường [11].

Vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đang đứng trước nhiều thách thức và ở mức báo động, ảnh hưởng tới phát triển kinh tế - xã hội, sinh kế của người dân. Do nhu cầu khai thác quá mức, phương thức khai thác thiếu bền vững dẫn tới nhiều nguồn tài nguyên, nguồn lợi thủy sản bị khai thác cạn kiệt, đặc biệt các rạn san hô và thảm cỏ biển bị suy giảm nghiêm trọng, khó hồi phục. Các nguồn ô nhiễm

từ lục địa theo sông đổ ra biển, có những loại không phân hủy được đọng lại ở ven bờ, chìm xuống đáy biển, những chất phân hủy sẽ hòa lẫn trong nước biển. Trong tháng 4/2016, tại ven biển 4 tỉnh miền Trung (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế) xảy ra sự cố môi trường biển nghiêm trọng, làm hải sản chết bất thường, gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội, môi trường biển; ảnh hưởng xấu đến đời sống người dân, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Từ sự cố trên, cần phải thẳng thắn nhìn nhận lại, thực tế thời gian qua một số địa phương đã chú trọng phát triển kinh tế, thu hút đầu tư mà chưa quan tâm đúng mức tới việc bảo vệ môi trường. Đây là một bài học lớn và đắt giá cho Việt Nam, cần phải đảm bảo hài hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội bền vững.

2.4. Ô nhiễm môi trường ở một số khu vực trọng điểm

Vấn đề ô nhiễm môi trường ở một số khu vực trọng điểm như khu công nghiệp, khu đô thị lớn, làng nghề, các lưu vực sông,... đang rất đáng báo động. Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhiều ngành công nghiệp được mở rộng quy mô sản xuất cũng như phạm vi phân bố, lượng chất thải rắn, chất thải lỏng chưa qua xử lý được thải trực tiếp vào nguồn nước sẽ gây suy thoái nhanh các nguồn nước mặt, nước dưới đất, làm gia tăng tình trạng thiếu nước và ô nhiễm ngày càng trầm trọng. Số liệu của báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia [2], cho thấy lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong có xu hướng ngày càng tăng nhanh, tuy nhiên số lượng được thu gom xử lý còn rất hạn chế. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trung bình ở khu vực nội đô giai đoạn vừa qua đạt khoảng 84-85%; khu vực nông thôn đạt khoảng 40-55%; vùng sâu, vùng xa chỉ đạt khoảng 10%. Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh trên toàn quốc hiện nay khoảng 800.000 tấn/năm. Tuy nhiên, hiện nay lượng chất thải nguy hại phát sinh trong sản xuất công nghiệp được thu gom, xử lý mới chỉ đạt con số 40%, chất thải nguy hại do y tế đạt 80%, gây nguy cơ tiềm ẩn đối với môi trường ở nước ta.

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc

gia giai đoạn 2011-2015 [2], đến hết năm 2014, số làng nghề và làng có nghề nước ta là 5.096, trong đó chỉ có 1.748 làng nghề được công nhận theo tiêu chí làng nghề hiện nay của Chính phủ. Phần lớn công nghệ và kỹ thuật áp dụng cho sản xuất trong các làng nghề còn lạc hậu, mang tính cổ truyền, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Con người đã và đang là tác nhân gây ra những tai biến nghiêm trọng dẫn đến những hệ lụy có thể đe dọa an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội [11]. Cả nước hiện có hơn 300 khu công nghiệp, hàng trăm cụm công nghiệp nhỏ rải rác ở nhiều địa phương, tuy nhiên có đến 70% khu công nghiệp không có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn; hơn 90% cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không xử lý nước thải; hơn 4.000 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; khoảng 55-70% số doanh nghiệp không chấp hành quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường; 98% doanh nghiệp có hành vi vi phạm về xả nước thải không đạt chuẩn môi trường; 100% doanh nghiệp thải khí không có thiết bị xử lý chất độc hại.

2.5. Ô nhiễm xuyên biên giới

Trong những năm gần đây, cùng với xu thế toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, ảnh hưởng của ô nhiễm xuyên biên giới tới Việt Nam đã dần dần hiện hữu. Thời gian qua, một số nhà máy điện hạt nhân Trung Quốc được xây dựng gần Việt Nam và đang chuẩn bị vận hành là vấn đề đáng lo ngại. Đây thực sự là thách thức ô nhiễm xuyên biên giới đặc biệt nghiêm trọng, đe dọa tới an ninh môi trường, an ninh quốc gia ở Việt Nam. Trên thực tế, dù công nghệ mới của các nhà máy có thể hiện đại nhưng vẫn có những xác suất rủi ro. Các sự cố từ hạt nhân rất nguy hiểm, thường phát tán phóng xạ trong phạm vi rộng lớn, gây ra nhiều hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về người và tài sản,... Vì vậy, Việt Nam cần chủ động có các phương án ứng phó, tăng cường quan trắc, cảnh báo kịp thời tới người dân vùng ảnh hưởng và đưa ra giải pháp kịp thời khi xảy ra sự cố, đồng thời có cơ chế trao đổi thường xuyên với Trung Quốc.

Việt Nam hiện nay còn đang phải đối diện với nguy cơ trở thành "bãi rác công nghiệp của thế

giới". Nhiều vấn đề mới phát sinh trong việc kiểm soát nhập khẩu phế liệu đã dẫn đến tình trạng doanh nghiệp không chỉ nhập khẩu phế liệu mà còn nhập cả rác thải là phế liệu kim loại, nhựa, sẫm lớp cao su thải, vỏ ô tô, tàu biển chưa làm sạch tạp chất, ốc quy chì thải, sản phẩm điện tử đã qua sử dụng vào nước ta, gây tác động không nhỏ tới kinh tế, đặc biệt là vấn đề môi trường, sức khỏe của cộng đồng. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, năm 2011 phát hiện 17 vụ với khối lượng chất thải nguy hại thu giữ là 573 tấn, năm 2012 có 30 vụ với khối lượng thu giữ 3.868 tấn. Bên cạnh đó, tình trạng nhập nông sản có chứa các hóa chất bảo quản độc hại, gây hại cho sức khỏe cộng đồng có xu hướng gia tăng và chưa được ngăn chặn [18].

Nghiên cứu của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu [13] tại 9 tỉnh, thành phố ở miền Bắc là Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Bắc Kạn, Yên Bái, Hà Giang và Hà Nội cho thấy môi trường không khí ở Việt Nam đang chịu ảnh hưởng từ các nguồn ô nhiễm xuyên biên giới từ vùng phía Đông và Đông Nam Trung Quốc, đặc biệt là vào các tháng mùa đông. Do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, ô nhiễm không khí từ Trung Quốc ảnh hưởng đến Việt Nam có thể tới 55% đối với SO_2 , 48% đối với NO_2 và 30% đối với CO_2 , gây ra hiện tượng lắng đọng mưa a-xít ở miền Bắc Việt Nam.

2.6. Suy giảm tài nguyên rừng và đa dạng sinh học

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015 [2], hiện nay, điều đáng lo ngại là chất lượng rừng tự nhiên tiếp tục giảm. Tuy độ che phủ rừng có xu hướng tăng nhưng chủ yếu là rừng trồng với mức đa dạng sinh học thấp, trong khi rừng tự nhiên với mức đa dạng sinh học cao nhưng tỷ lệ bảo tồn còn rất thấp. Do thời tiết khô hạn diễn ra thường xuyên trong giai đoạn 2011-2015 nên hiện tượng cháy rừng vẫn xảy ra tại một số địa phương. Tính riêng năm 2014, tổng diện tích rừng bị cháy là 3.157 ha, tăng 157,2% so với năm trước. Trong số diện tích rừng bị cháy và bị phá, rừng nguyên sinh vẫn chiếm tỷ lệ lớn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường và tăng các nguy cơ lũ lụt, sự cố môi trường. Diện tích rừng trồng

tăng với tốc độ nhỏ hơn tốc độ khai thác. Diện tích rừng bị cháy và bị chặt phá gây sức ép không nhỏ đối với phát triển lâm nghiệp cũng như đối với môi trường tự nhiên của nước ta khi hệ sinh thái rừng đóng vai trò quan trọng trong hấp thụ và lưu giữ CO_2 trong tự nhiên.

Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng ven bờ, diện tích rừng ngập mặn trong cả nước đã bị giảm sút nghiêm trọng. Trong hơn năm thập kỷ qua, Việt Nam đã mất đi 67% diện tích rừng ngập mặn so với năm 1943. Theo thống kê, tính đến năm 2012, 56% tổng diện tích rừng ngập mặn trên toàn quốc là rừng mới trồng, thuần loại, chất lượng rừng kém cả về kích cỡ, chiều cao cây và đa dạng thành phần loài. Rừng ngập mặn nguyên sinh còn rất ít, đồng nghĩa với tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái suy giảm, đặc biệt các loài thủy sinh không còn bãi đẻ và nơi cư ngụ.

Sự suy giảm đa dạng loài ở nước ta, cũng giống như trên thế giới, ngày càng một gia tăng. Theo Sách đỏ của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), nếu như năm 1996 mới chỉ có 25 loài động vật của Việt Nam ở mức nguy cấp thì đến năm 2014, con số này đã lên tới 188. Suy giảm đa dạng sinh học, sự du nhập của các sinh vật ngoại lai xâm hại và sinh vật biến đổi gen xâm lấn ngày càng tăng. Nước ta có khá nhiều loài con (mai dương, ốc bươu vàng, rùa tai đỏ, bọ cánh cứng hại dưa, vi-rút gây bệnh heo tai xanh,...) và cây lạ có nguồn gốc từ nước ngoài đã xuất hiện, phá hoại cây trồng, vật nuôi, gây mất cân bằng sinh thái, hủy hoại môi sinh và ảnh hưởng nghiêm trọng sức khỏe cộng đồng. Nhiều loài động, thực vật hoang dã ở Việt Nam có nguy cơ tuyệt chủng, diện tích rừng nguyên sinh còn rất thấp và khó có khả năng phục hồi, một số loài sinh vật biển suy giảm nghiêm trọng,...

2.7. Vấn đề môi trường trong khai thác khoáng sản

Hiện nay, thực trạng khai thác tài nguyên và khoáng sản của Việt Nam cho thấy đang tồn tại nhiều bất cập. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn, phân bố liên tục đã bị chia nhỏ để khai thác. Đặc biệt nạn khai thác không phép, khai thác tự do, nhất là đối với khai thác vàng, đá quý, chì, kẽm, đồng, than, cát,... chưa được

kiểm soát hiệu quả, tác động nghiêm trọng đến môi trường, tài nguyên và an ninh xã hội. Thời gian qua, vấn nạn khai thác cát trái phép trên các con sông đã diễn ra rất phức tạp, gây sạt lún đất hai bên bờ sông, ô nhiễm môi trường và xảy ra nhiều xung đột nhưng chưa có biện pháp xử lý triệt để.

Công nghệ khai thác chế biến khoáng sản ở Việt Nam còn lạc hậu, không phù hợp với loại khoáng sản khai thác, nên mức độ thu hồi thấp, tác động tiêu cực tới môi trường. Đa số các mỏ khai thác hiện nay phần lớn là những cơ sở khai thác chế biến quy mô nhỏ, khai thác và sản xuất manh mún. Trong khi đó, thực tế cho thấy hệ lụy về môi trường trong khai thác khoáng sản là rất lớn. Vấn đề khai thác, chế biến bô-xít ở các địa phương khu vực Tây Nguyên tiềm ẩn các rủi ro về môi trường và sinh thái. Trong quá trình khai thác, bụi, nước thải, bùn đỏ tác động rất lớn đối với môi trường xung quanh, gây nên khan hiếm nguồn nước do nhu cầu sử dụng nước cho dự án là rất lớn, phá vỡ cấu trúc địa chất,... Theo báo cáo của Tổng hội Địa chất Việt Nam [15], tổn thất tài nguyên trong quá trình khai thác còn cao, đặc biệt là ở các mỏ hầm lò, các mỏ địa phương quản lý. Các sản phẩm sau khai thác, chế biến còn nghèo nàn, phần lớn được xuất khẩu ở dạng thô có giá trị kinh tế thấp, gây lãng phí, thất thoát tài nguyên, ô nhiễm môi trường, gia tăng các vấn đề xã hội và ảnh hưởng tới an ninh quốc gia.

3. Một số giải pháp nhằm đảm bảo an ninh môi trường ở Việt Nam

Thứ nhất, cần xây dựng Bộ Tiêu chí và xác định Bộ Chỉ số an ninh môi trường phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm phục vụ công tác quản lý và hoạch định chính sách. Công cụ này giúp cung cấp thông tin cho các nhà quản lý và nhà hoạch định chính sách để đánh giá, kiểm soát mức độ ANMT ở nước ta và quản lý rủi ro hiệu quả. Bộ Tiêu chí an ninh môi trường là cơ sở để đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm ANMT ở Việt Nam, đồng thời cung cấp thông tin từng tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt được cho các nhà quản lý và nhà hoạch định chính sách để đưa ra các giải pháp thúc đẩy, hoàn thiện chính sách. Bộ Chỉ số an ninh môi trường là công

cụ giúp các nhà quản lý và nhà hoạch định chính sách kiểm soát được vấn đề môi trường ở Việt Nam và đưa ra các chính sách, giải pháp ngăn chặn, ứng phó kịp thời nhằm đảm bảo ANMT.

Thứ hai, cần xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, giải pháp, cơ chế ngăn ngừa, ứng phó, đảm bảo ANMT ở Việt Nam. Đây là yêu cầu cấp thiết nhằm quản lý ANMT hiệu quả, góp phần quan trọng trong quá trình phát triển bền vững. Chúng ta cần thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường, trước hết cần loại bỏ những quy định không phù hợp, chưa đầy đủ hoặc gây cản trở hoạt động của cơ quan bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về vấn đề ANMT và các công cụ đánh giá, kiểm soát mức độ ANMT ở Việt Nam, từ đó đề xuất xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật phù hợp, có tính khả thi cao, nhằm đảm bảo ANMT, phát triển bền vững. Cần sớm nghiên cứu và xây dựng dự án Luật BDKH. Trước mắt, nghiên cứu lồng ghép các tiêu chí về môi trường và BDKH trong dự án Luật Quy hoạch đang được Quốc hội và Chính phủ xem xét.

Thứ ba, tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài như nguồn vốn, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm quản lý,... ANMT là vấn đề toàn cầu, chính vì vậy đòi hỏi sự hợp tác, hỗ trợ của các quốc gia, các tổ chức trên thế giới để ứng phó với các thách thức mang tính toàn cầu. Đối với vấn đề an ninh nguồn nước, Việt Nam cần phải đẩy mạnh hợp tác trong Ủy hội sông Mê Kông Quốc tế; lồng ghép các vấn đề quản lý, chia sẻ lợi ích nguồn nước, ngăn chặn đẩy lùi các hình thức ô nhiễm xuyên biên giới vào trong khuôn khổ các hợp tác song phương, đa phương, khu vực. Đối với vấn đề nguy cơ từ các nhà máy điện hạt nhân, Việt Nam cần chủ động có các phương án ứng phó và có cơ chế trao đổi thường xuyên với Trung Quốc.

Thứ tư, chú trọng nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên, xử lý ô nhiễm môi trường, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đồng thời, nghiên cứu phát triển các loại năng lượng sạch thay thế như điện hạt nhân, năng lượng gió, năng lượng mặt trời,... đảm bảo an ninh năng lượng, giảm áp lực năng lượng thủy điện.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân, trong đó có vấn đề ANMT. Tăng cường áp dụng các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin và thực thi hiệu quả các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp.

Thứ sáu, giải quyết một cách hài hòa, đồng bộ mối liên hệ giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và các vấn đề xã hội. Cần thay đổi tư duy phát triển, nhất là của một số địa phương khi quá chú trọng thu hút đầu tư nhưng chưa quan tâm

đúng mức đến vấn đề môi trường. Đồng thời, cần kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm có thể xả trực tiếp ra môi trường mà không qua xử lý.

Thứ bảy, tăng cường công tác quản lý về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng; nghiêm cấm, kiểm soát chặt chẽ du nhập các sinh vật ngoại lai xâm hại vào Việt Nam; kiểm soát chặt chẽ việc quy hoạch, cấp phép trong hoạt động khai thác, chế biến tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, cần tăng cường năng lực, bộ máy của các cơ quan dự báo khí tượng, khí hậu, đồng thời phải lồng ghép, tính đến yếu tố BĐKH vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình của Trung ương cũng như của địa phương.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012), *Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia 2012*.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015*.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*, NXB Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
4. Nguyễn Thế Chinh và Phan Thị Kim Oanh (2016), "An ninh nguồn nước trong tiến trình hội nhập khu vực và sự lựa chọn chính sách của Việt Nam", *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về An ninh phi truyền thống trong tiến trình hội nhập khu vực: Kinh nghiệm EU - ASEAN và những gợi mở chính sách cho Việt Nam*.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Chính trị, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*.
8. Phạm Thành Dung (2015), "An ninh phi truyền thống và định hướng giải pháp cho Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế", *Báo cáo tổng hợp nghiên cứu Đề tài độc lập cấp Nhà nước*.
9. Nguyễn Đình Hòa và Nguyễn Ngọc Sinh (2010), *Đảm bảo an ninh môi trường cho phát triển bền vững*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
10. IMHEN và UNDP (2015), *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về Quản lý rủi ro thiên tai và hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu*.
11. Phạm Ngọc Lãng (2016), "Tai biến môi trường - Một mặt trận an ninh phi truyền thống nóng bỏng", *Tạp chí Cộng sản*.
12. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Luật An ninh quốc gia*.
13. Dương Hồng Sơn và nnk (2013), "Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí xuyên biên giới đến miền Bắc Việt Nam", *Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ*.
14. Tổng cục Thống kê (2016), *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2016*.
15. Tổng hội Địa chất Việt Nam, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Viện Tư vấn Phát triển (2008), *Báo cáo nghiên cứu, đánh giá thực trạng về quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản Việt Nam*.
16. Sönke Kreft (2015), *Global climate risk index 2016-Who Suffers Most From Extreme Weather Events? Weather-related Loss Events in 2014 and 1995 to 2014*.

17. The White House (1994), *A national security strategy of engagement and enlargement*, U.S. Government Printing Office, Washington DC.
18. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Gia tăng lượng chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất công nghiệp*, truy cập ngày 9/4/2017, tại trang web <http://dangcongsan.vn/preview/newid/411381.html>.

ENSURING ENVIRONMENTAL SECURITY IN VIET NAM: AN URGENT ISSUE TO BE ADDRESSED

Ta Dinh Thi, Phan Thi Kim Oanh, Ta Van Trung, Bui Duc Hieu
Ministry of Natural Resources and Environment

Abstract: *Environmental security has become a global issue which entails cooperation and distribution of responsibility among nations. Environmental challenges pose a major threat not only to human security, economic and food security but also to national security and humankind's survival. As can be seen, environmental issues have become urgent in Viet Nam currently. Natural resources scarcity, environmental pollution and degradation can undermine national economy, exacerbate hunger and poverty issue and political instability, and may cause conflict. There are a number of Vietnamese and international scholars agree on the organic and close relationship between national security and environmental security. This is because environmental security is fundamentally a component of non-traditional security which is a factor of national security. Assuring environmental security is, therefore, an important part of strengthening national security.*

Keywords: *Environmental security, national security, climate change, environmental pollution, water resources security, biodiversity.*